

## QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1975

Phạm Ngọc Trâm\*

### Tóm tắt

*Thực tiễn lịch sử cho thấy Nhà nước Việt Nam đã xác lập chủ quyền biển đảo sớm, đồng thời liên tục thực hiện việc bảo vệ và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, đặc biệt là trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, là một quá trình kéo dài trong 3 thế kỷ: XVII, XVIII, XIX.*

*Căn cứ vào tư liệu lịch sử có thể khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên các phương diện lịch sử, địa lý, pháp lý (cả công pháp quốc tế) và thực tế. Do đó, mặc dù liên tục phải đương đầu với những thử thách lớn lao, thậm chí là những thử thách tưởng chừng không thể nào vượt qua nổi, nhân dân Việt Nam vẫn trên dưới một lòng đoàn kết, quyết chí bền gan vượt qua các trở lực để bảo vệ chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ đất nước.*

**Từ khóa:** xác lập, bảo vệ, chủ quyền, biển đảo, Việt Nam

### 1. Đặt vấn đề

Hiện nay bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam là một vấn đề nóng bỏng, xuất phát từ việc tranh chấp chủ quyền thuộc vùng biển này bắt đầu diễn ra với sự xâm phạm của Trung Quốc, khi Nhật chiếm đảo Pratas, năm 1909. Để ngăn chặn sự bành trướng của Nhật xuống phía Nam, Trung Quốc vừa phản đối, vừa tiến hành đặt tên một loạt các đảo ở biển Biển Đông, trong đó có Hoàng Sa, Trường Sa<sup>1</sup> mà Trung Quốc cho rằng đó là những đảo vô chủ.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã giúp cho con người có những phát hiện to lớn về nguồn tài nguyên phong phú trong lòng biển đảo Việt Nam. Biển đảo của Việt Nam được coi là vùng cửa ngõ cho sự giao lưu phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực và thế giới; không chỉ có vai trò quan trọng về kinh tế mà nó còn được coi là vị trí *tiền tiêu* của Việt Nam.

Với giá trị và vị trí chiến lược như vậy đã làm xuất hiện những chứng cứ chủ quan và khách quan của các nước muốn có chủ quyền ở vùng lãnh hải này mà đặc biệt là đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Hiện nay, Biển Đông thuộc vùng lãnh hải của Việt Nam đang là nơi diễn ra những tranh chấp giữa các bên Philippine, Brunei, Malaysia, Đài Loan, lục địa Trung Quốc và Việt Nam. Vì vậy, vùng này đang là một điểm nóng chính trị đối với tất cả các bên tham gia tranh chấp.

Trong bối cảnh phức tạp ấy, việc bảo vệ chủ quyền biển đảo là một vấn đề cấp thiết, bởi đây không chỉ có giá trị đặc biệt để phát triển kinh tế biển mà còn là

\* TS, Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV- ĐH Quốc gia TP.HCM

<sup>1</sup> Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa

tuyến phòng thủ ở hướng Đông của đất nước. Để bảo vệ được vững chắc chủ quyền của mình ở vùng biển đảo Đông và Nhà nước Việt Nam cần phải có những động thái vừa mềm dẻo vừa mạnh mẽ hơn nữa để nâng cao tính pháp lý quốc tế của sự xác lập chủ quyền trong việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam trong khu vực Biển Đông. Đồng thời, Nhà nước Việt Nam cũng cần phải có những chính sách thích đáng, thiết thực hơn, như tổng kết quá trình bảo vệ chủ quyền, quản lý và khai thác biển đảo ở Việt Nam, đúc kết những thành tựu cơ bản, đánh giá những ưu điểm và hạn chế qua từng chặng đường lịch sử của hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam và những kinh nghiệm lịch sử rút ra từ thực tế đó.

## 2. Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam trước năm 1975

Việt Nam nằm trên bờ Biển Đông, một biển nửa kín, được bao bọc bởi lục địa châu Á và bán đảo Malacca về phía Tây, đảo Đài Loan, quần đảo Phillipin và đảo Kalimantan về phía Đông. Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km<sup>2</sup> trải rộng từ vĩ độ 3° lên đến vĩ độ 26° Bắc và từ kinh độ 100° đến 121° Đông và được bao bọc bởi 9 nước và vùng lãnh thổ là Việt Nam, Trung Quốc, Philippine, Indonesia, Brunei, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan. Trong đó, vùng biển Việt Nam chiếm hơn 1 triệu km<sup>2</sup>, với hàng nghìn đảo lớn nhỏ, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, có vị trí địa chiến lược rất quan trọng

Nhân dân Việt Nam vẫn gọi Biển Đông theo tên truyền thống, gắn liền với lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Tên Biển Đông đã được ghi trong cuốn *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, năm 1435 thời vua Lê Thái Tông<sup>2</sup>. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX nhiều sử sách như: *Ký sự Batavia* (Journal de Batavia)<sup>3</sup>, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn<sup>4</sup>; *Đại Nam thực lục chính biên* của Quốc sử quán triều Nguyễn<sup>5</sup>; *Đại Nam Nhất thống chí*<sup>6</sup>... đều xác định Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Không chỉ những bằng chứng lịch sử và hành động cụ thể xác định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các tài liệu lịch sử của nhiều nước cũng chứng tỏ điều này một cách rõ rệt. Từ nhiều thế kỷ trước, người phương Tây đã biết đến và ghi nhận quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Căn cứ vào *Ký sự Batavia*, ngày 20/7/1634 dưới thời Chúa Sãi Nguyễn Phước Chu (1613 - 1635) 3 chiếc tàu biển đăng ký tại Hà Lan từ Batavia (Indonesia) đến Tuoranne (Đà Nẵng) cùng nhỏ neo đi Đài Loan. Qua ngày hôm sau, ngày 21/7/1634, thì gặp bão, trong số đó có một chiếc, tàu Grootebroek bị

<sup>2</sup> Dựa theo *Tổng tập dư địa chí Việt Nam* (tập 1) NXB Thanh Niên, 2012.

<sup>3</sup> W.J.M.Buch (1936), *Công ty Đông Ấn Hà Lan và Đông Dương* - in trong tập Bản tin của Francaise Ecole d'Extreme Orient.

<sup>4</sup> Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, (Hoàng Lộc dịch), Viện Sử học, Hà Nội.

<sup>5</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

<sup>6</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1970), *Đại Nam Nhất thống chí*, Viện Sử học, Hà Nội.

đắm gần đảo Hoàng Sa (Pracels) làm 9 thủy thủ bị mất tích cùng chiếc thuyền và hơn phân nửa số hàng hóa vận chuyển. Các thủy thủ đã vớt được một số hàng hóa đem lên đảo cất dấu nơi an toàn. Thuyền trưởng Huijch Jansen cùng 12 thủy thủ đem theo 5 thùng bạc cùng một số hàng hóa khác đi thuyền nhỏ vào bờ trình báo cho quan lại xứ Đàng Trong và xin sự giúp đỡ. Sau đó họ mua được một chiếc tàu Kiko (của Nhật Bản) và được phép quay lại Hoàng Sa đón 50 thủy thủ còn lại đi về Batavia (Indonesia).

Hai năm sau kể từ sự kiện chiếc tàu Grootebroek bị đắm, dưới thời Chúa Nguyễn Phước Lan (1635 - 1648), ngày 6/3/1636, hai chiếc tàu Hà Lan đến Faifo (Hội An) và Thuận Hóa đặt vấn đề xin mua bán, đi lại và đặt thương điếm. Chúa Nguyễn chấp thuận cho người Hà Lan được tự do giao thương với xứ Đàng Trong và miễn cho họ sắc thuế neo bến và các tặng phẩm. Từ năm 1636, một thương điếm của Hà Lan được thành lập tại Faifo (Hội An) do Abraham Duijeker phụ trách.<sup>7</sup>

Ngoài các tài liệu của người Hà Lan về chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các giáo sĩ châu Âu thuộc Hội truyền giáo Paris thường xuyên tháp tùng các thuyền buôn đến Việt Nam truyền giáo tại các xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài cũng ghi chép cẩn thận về hải trình họ theo các thuyền buôn đến Việt Nam và được lưu trữ tại Văn khố Hội truyền giáo Paris.<sup>8</sup>

Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn ghi lại mỗi năm (trong những năm 1753 - 1776) các chúa Nguyễn đã cử các đội tàu thuyền đến Hoàng Sa, khoảng 6 tháng, để thu lượm “hóa vật” của các tàu đắm, vì “các thuyền ngoại phiên bị bão thường đậu ở đảo này. Trước, họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào. Cất phiên, mỗi năm cứ tháng 2, nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng. Đi bằng năm chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển ba ngày ba đêm thì đến đảo ấy”<sup>9</sup>. Đến năm 1815, triều Nguyễn dưới thời Gia Long sai đội Hoàng Sa do Phạm Quang Ảnh chỉ huy đến Hoàng Sa để thăm dò đường biển. Năm sau, 1816 vua Gia Long lại sai thủy quân và đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét, đo đạc thủy trình<sup>10</sup>. Năm 1837, trên tạp chí Asiatic Society, Jean Louis Taberd đã có bài viết về Hoàng Sa như sau: “Mặc dù quần đảo này (Hoàng Sa) không có gì ngoài những bãi đá giữa biển khơi sâu thẳm, hứa hẹn nhiều điều bất tiện hơn là thuận lợi, nhưng vua Gia Long nghĩ đến việc mở rộng lãnh thổ bằng cách chiếm vùng đất căn cõi này – ngoài ra không còn

<sup>7</sup> W.J.M.Buch (1936), *Công ty Đông Ấn Hà Lan và Đông Dương* - in trong tập Bản tin của Francaise Ecole d'Extreme Orient, tr.134.

<sup>8</sup> Các tài liệu này đều cho thấy việc các tàu thuyền buôn của họ gặp nạn, được các chúa Nguyễn giúp đỡ, trở về nước. Các tư liệu này được viết bằng tiếng Pháp và sau này được công bố trên Tập san Sử Địa (1975) *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, tr.258-173.

<sup>9</sup> Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, (Hoàng Lộc dịch), Viện Sử học, Hà Nội, tr.119.

<sup>10</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. Trong đó quyển 50 thuật lại việc Phạm Quang Ảnh chỉ huy đến Hoàng Sa để thăm dò đường biển. Quyển 52 phản ánh sự kiện năm 1816 vua Gia Long lại sai thủy quân và đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét, đo đạc thủy trình.

cách nào khác. Năm 1816, ông đã (cử người) tới long trọng cắm cờ và chính thức tuyên bố chủ quyền trên quần đảo này mà không một ai tranh giành với ông ta”<sup>11</sup>.

Vị trí Hoàng Sa được tác giả Gutzlaff phản ánh khá rõ ràng trong một bài viết có tên *Geography of the Cochinchinese empire*, đăng trong tập *Geographical Society of London* xuất bản năm 1849: “Quần đảo Cát vàng ở gần bờ biển An Nam từ 15-20 dặm, nằm giữa vĩ tuyến 15 và 17 độ Bắc, kinh tuyến 111 và 113 độ Đông ... Chính phủ An Nam nhận thức những lợi thế có thể mang lại nếu một ngách thuế được đặt ra, bèn lập ra những trung thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người nước ngoài đến đây đều phải trả và để bảo vệ ngư dân của mình”<sup>12</sup>.

Jean Baptise Chaineau (1769 - 1825) là một thủy thủ hải quân, nhà thám hiểm người Pháp, có thời gian phục vụ tại triều đình Huế. Jean Baptise Chaineau đã viết tập hồi ký của mình khoảng 1819 – 1820, nhưng phải hơn 100 năm sau, năm 1925, mới được xuất bản trên *Bulletin des Amis du Vieux Hué*. Trong tập hồi ký này có một đoạn ngắn, ở phần mở đầu, nói về Hoàng Sa: “Quần đảo Hoàng Sa gồm nhiều đảo và đá không người ở. Năm 1818, hoàng đế hiện nay đã thực hiện việc chiếm hữu quần đảo này”<sup>13</sup>

Tiếp sau thời kỳ Gia Long, năm 1833 (Minh Mệnh thứ 14) Thánh Tổ Nhân Hoàng đế<sup>14</sup> chỉ dụ cho Bộ Công rằng: “Trong hải phận Quảng Ngãi có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông sâu. Gần đây, thuyền buôn thường (mắc cạn) bị hại. Nay nên dự bị thuyền mảnh, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia, và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người ta dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời”<sup>15</sup>.

Qua năm sau, 1834, Minh Mệnh tiếp tục sai Trương Phúc Sĩ cùng đội thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến quần đảo Hoàng Sa khảo sát và vẽ bản đồ<sup>16</sup>. Tuy nhiên, đây là một vùng biển rất hiểm yếu, rộng rãi nên hằng năm triều đình thường sai phái quan binh đi thăm dò để thuộc hải trình. Do đó từ năm 1836 trở đi, mỗi năm

<sup>11</sup> Nguyễn văn tiếng Anh: “Although this kind of archipelago presents nothing but rocks and great depths which promises more inconveniences than advantages. The king Gia-Long thought he had increased his dominions by this sorry addition. In 1816, he went with solemnity to plant his flag and take formal possession of these rocks, which it is not likely anybody will dispute with him” Jean Louis Taberd (1837), *Note on the Geography of Cochinchina*, Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal, Calcutta, Vol.VI, (9/1837), page. 734-735.

<sup>12</sup> Nguyễn văn tiếng Anh: “The Paracels (Katvang) which approach 15-20 leagues to the coasts of Annam, and extend between 15-17N. lat. and 111-113 E. longitude ... The Annam government, perceiving the advantages which it might derive if a toll were raised, keeps revenue cutters and a small garrison on the spot to collect the duty on all visitors, and to ensure protection to its own fishermen”. Gutzlaff (1849) *Geography of the Cochinchinese empire*, *Geographical Society of London* – page 93.

<sup>13</sup> *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, bộ X, số 2, tháng 4-6/1925.

<sup>14</sup> Minh Mệnh

<sup>15</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, (Đệ nhị kỷ quyển 104). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập 13, tr.53.

<sup>16</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, (Đệ nhị kỷ quyển 122). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tập 14, tr.189.

vào hạ tuần tháng Giêng triều đình cử 1 thuyền của quan binh phối hợp cùng 4 thuyền thuê của dân ở hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đến xứ Hoàng Sa đo đạc vẽ bản đồ, dựng miếu, lập bia.

Đối với Trường Sa, theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn thì gọi là “Đại Trường Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” hay “Bắc Hải”. Theo Lê Quý Đôn “Đại Trường Sa” ở phía ngoài Hoàng Sa. Ông viết: “phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa. Trước kia có nhiều hải vật và hóa vật của tàu (bị đắm), lập đội Hoàng Sa để đi lấy, đi ba ngày đêm mới đến, là chỗ gần xứ Bắc Hải”<sup>17</sup>. Chúa Nguyễn cũng tuyển mộ nhân lực để thành lập Đội Bắc Hải: “Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tư Chính ở Bình Thuận hoặc ở xã Cảnh Dương ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần, đò. Cho đi thuyền câu nhỏ ra xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên tìm lượm vật của tàu đắm và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm.”<sup>18</sup>

Như vậy, từ thời chúa Nguyễn, những năm giữa thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX các vương triều phong kiến Việt Nam đã chính thức xác lập chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng những công việc hết sức cụ thể như khai thác “hóa vật”, “long trọng cấm cờ chính thức tuyên bố chủ quyền”, “lập ra những trung thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế” và “để bảo vệ ngư dân của mình”...

Từ năm 1884, trước sự tấn công của thực dân Pháp, để bảo vệ quyền lợi của dòng họ, triều Nguyễn nhanh chóng đầu hàng, ký “hàng ước” giao Việt Nam cho Pháp. Từ đó, Pháp là người đại diện cho Việt Nam trong quan hệ đối ngoại và bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam ở Biển Đông. Từ năm 1920, các tàu pháo hạm của Pháp thường xuyên tuần tiễu ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhất là ở Hoàng Sa nhằm ngăn chặn buôn lậu. Năm 1925, Viện Hải dương học Nha Trang đưa một đoàn các nhà khoa học, đi trên tàu De Lanessan đến Hoàng Sa để nghiên cứu về địa chất, sinh vật... Phái đoàn đã ghi nhận tại Hoàng Sa có nhiều phốt-phát và khảo sát được nhiều bằng chứng, chứng tỏ Hoàng Sa là một quần đảo nằm trên cao nguyên chìm dưới biển và dính liền với lục địa Việt Nam. Từ năm 1927 đến năm 1932, các đoàn tàu khảo sát và pháo hạm của Pháp liên tục tổ chức các hoạt động quản lý và khai thác trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cụ thể, năm 1927 tàu De Lanessan đến quần đảo Trường Sa nghiên cứu khoa học. Năm 1929, phái đoàn Perrier – De Rouville đề nghị chính phủ Pháp đặt 4 cây đèn biển ở quần đảo Hoàng Sa. Ngày 15/6/1932, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định số 156-SC thiết lập tổ chức hành chính tại quần đảo Hoàng Sa.

Từ năm 1930 đến tháng 5/1932, lần lượt các tàu La Malicieuse, Inconstant, De Lanessan và pháo hạm Alerte... đã đến quần đảo Hoàng Sa. Từ tháng 4/1930 đến

<sup>17</sup> Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, (Hoàng Lộc dịch), Viện Sử học, Hà Nội, tr.119.

<sup>18</sup> Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, (Hoàng Lộc dịch), Viện Sử học, Hà Nội, tr.119.

tháng 7/1933, chính phủ Pháp đã cử lực lượng hải quân đến đóng giữ các đảo chính trong quần đảo Trường Sa<sup>19</sup>.

Sau khi chính thức hoàn thành việc chiếm hữu quần đảo Trường Sa, Thống đốc Nam Kỳ M.J. Krautheimer ký Nghị định số 4762.CP, ngày 21/12/1933, sáp nhập Hải đảo Trường Sa (Spatley) và tiểu đảo Caye d'Amboine, nhóm Hải đảo, Loaito và Thi-tu vào địa phận tỉnh Bà Rịa. 5 năm sau, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn ban hành “Cung lục dụ số 10 ngày 29/02/1938”<sup>20</sup>. Chiếu chỉ nêu rõ: “các Cù lao Hoàng Sa thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các Cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam - Ngãi”. Tại Dụ này, vua Bảo Đại phê chuẩn việc sáp nhập Cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên. Năm 1938 Pháp xây dựng bia chủ quyền, hoàn thành việc xây dựng đèn biển, trạm khí tượng, đài vô tuyến điện trên quần đảo Hoàng Sa. Trên bia chủ quyền ở Hoàng Sa ghi: “Cộng hòa Pháp, vương quốc An Nam, quần đảo Hoàng Sa, 1816 – đảo Pattle - 1938”<sup>21</sup>. Ngày 05/5/1939, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định số 3282 thành lập tại quần đảo Hoàng Sa hai cơ quan đại lý “Croissant và phụ cận” và “Amphyrite và phụ cận”. Tại Trường Sa, cũng trong thời gian này (năm 1938) Pháp xây dựng trạm khí tượng, đài vô tuyến điện trên đảo Itu Aba thuộc quần đảo Trường Sa.

Trên thực tế, từ năm 1884 khi Pháp thôn tính Việt Nam đến năm 1939, Pháp có nhiều hoạt động quản lý, khẳng định chủ quyền và khai thác trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy nhiên, so với quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa diễn ra nhiều tranh chấp hơn. Do đó, các sự kiện bảo vệ, quản lý và khai thác trên quần đảo Hoàng Sa diễn ra nhiều hơn. Chính quyền Đông Dương của Pháp có nhiều cố gắng về mặt đối ngoại, luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và phản kháng những hành động xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Cụ thể, ngày 04/12/1931 và ngày 24/4/1932 Pháp phản kháng chính phủ Trung Quốc về việc chính quyền Quảng Đông lúc đó có ý định cho đầu thầu khai thác phân chim trên quần đảo Hoàng Sa. Ngày 24/7/1933 Pháp thông báo cho Nhật việc Pháp đưa quân ra đóng trên nhiều đảo ở quần đảo Trường Sa. Ngày 04/4/1939 Pháp phản kháng Nhật đặt một số đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc quyền tài phán của Nhật.

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, đầu năm 1947 Pháp yêu cầu Trung Hoa Dân Quốc rút khỏi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ chiếm đóng trái phép từ năm 1946, và Pháp đã đưa quân đến xây dựng lại trạm khí tượng và đài vô tuyến điện. Ngày 7/9/1951, Trưởng đoàn Đại biểu của Chính phủ Bảo Đại là Thủ tướng Trần Văn Hữu đã long trọng tuyên bố tại Hội nghị San Francisco, có

<sup>19</sup> Journal officiel de la République Française, 25 Juillet 1933, p.7394.

<sup>20</sup> In trong *Nam Triều Quốc ngữ Công báo*, số 8, năm 1938.

<sup>21</sup> Năm 1818 là năm vua Gia Long thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, năm 1938 là năm dựng bia.

đại diện 51 quốc gia trên thế giới tham dự: “Chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa”<sup>22</sup>.

Từ sau năm 1954 đến 1975, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam, Bắc. Từ vĩ tuyến 17 trở vào thuộc sự quản lý của chính quyền Sài Gòn, do đó hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc sự quản lý của chính quyền miền Nam. Năm 1956, khi Pháp rút quân về nước, lực lượng hải quân của chính quyền Sài Gòn tiếp quản hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 16/6/1956, Bộ Ngoại giao chính quyền Sài Gòn tuyên bố một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa. Ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy.

Trong năm 1956, lợi dụng lúc giao thời chuyển giao sự quản lý 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa giữa Pháp với chính quyền Sài Gòn, Trung Quốc bất ngờ xâm chiếm nhóm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, chính quyền Sài Gòn kịch liệt phản đối việc Cộng hòa Nhân dân Trung hoa xâm lược Hoàng Sa của Việt Nam.

Ngày 13/7/1961 chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam (trước thuộc tỉnh Thừa Thiên); đồng thời cho xây dựng bia chủ quyền ở các đảo chính của quần đảo Trường Sa: Trường Sa, An Bang, Song Tử Tây...

Từ cuối năm 1973, khi tình thế chiến trường ở miền Nam nghiêng hẳn về phía cách mạng, nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn ngày càng kề cận thì giới lãnh đạo Bắc Kinh cũng ráo riết chuẩn bị thực hiện âm mưu thôn tính Hoàng Sa. Từ đầu năm 1974 xuất hiện một tình thế mới, khi quân ta giải phóng một số vùng ở miền Đông Nam bộ và Tây nguyên mà quân chủ lực Sài Gòn không đương đầu nổi, mở ra khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam. Sự kiện đánh dấu sự suy sụp của đội quân chủ lực Sài Gòn là ngày 06/01/1974 ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, miền Đông Nam Bộ. Một lần nữa Trung Quốc đã lợi dụng lúc giao thời, chiếm nốt phần còn lại trên quần đảo Hoàng Sa (năm 1956 chiếm nhóm đảo phía Đông).

Chiều ngày 18/1/1974 (nhằm dịp Tết Nguyên đán, 26 tháng Chạp), bất chấp chủ quyền chân chính lâu đời của Việt Nam cùng dư luận và công pháp quốc tế, Trung Quốc ban đầu nghi trang các tàu quân sự cỡ nhỏ thành tàu đánh cá tiếp cận các đảo Hữu Nhật (Cam Tuyền, Robert), Hoàng Sa (Pattle), Quang Hòa (Ducan), Duy Mộng (Drummond)... bất ngờ mở cuộc tấn công quân sự đánh hỏng tuần dương hạm HQ.16, HQ.10... của lực lượng hải quân Sài Gòn.

Ngày 19/1/1974, Trung Quốc đưa thêm hai tàu lớn, cùng với tàu quân sự cỡ nhỏ (được hóa trang thành tàu đánh cá trước đó) và máy bay phản lực cấp tập tấn công vào các đảo Hữu Nhật (Cam Tuyền, Robert), Hoàng Sa (Pattle)... “Họ đổ bộ từ các tàu nhỏ lên đảo đông như kiến, nhưng không dám tiến vào đảo, mà chỉ nằm ở

<sup>22</sup> Tập san Sử Địa (1975) *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, tr.286.

bãi cát. Anh em địa phương quân bắn tới hết đạn, thì họ chiếm được đảo. Khi tiến vào mỗi phòng trong nhà, họ ném chất nổ, nên mọi thứ bên trong đều hủy diệt”<sup>23</sup>.

Ngày 20 tháng 1 năm 1974, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra bản tuyên bố phản đối hành động xâm lược của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Tiếp đó, ngày 26/1/1974 Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố lập trường 3 điểm về giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ; ngày 14/2/1974 tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 5, 6/5/1975, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thông báo việc giải phóng các đảo ở quần đảo Trường Sa.

### 3. Kết luận

Việt Nam là một quốc gia biển. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam hình thành và phát triển trên cơ sở văn minh biển. Nhân dân Việt Nam có truyền thống bám biển. Thực tiễn lịch sử cho thấy Nhà nước Việt Nam đã xác lập chủ quyền biển đảo sớm, đồng thời liên tục thực hiện việc bảo vệ và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, đặc biệt là trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, là một quá trình kéo dài trong 3 thế kỷ: XVII, XVIII, XIX. Sự kiện nổi bật là sau khi lên ngôi năm 1802, Gia Long cũng phỏng theo chế độ cũ đặt đội Hoàng Sa. Năm 1816, triều Nguyễn long trọng cấm cờ và chính thức tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và cử thủy binh đến Trường Sa để khai thác hải vật và hóa vật của tàu (bị đắm).

Từ trước chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945) việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa diễn ra 2 giai đoạn:

**Giai đoạn 1**, từ năm 1700 đến 1909, giai đoạn các vương triều phong kiến Việt Nam khảo sát (1700 - 1815), và tiến tới xác lập chủ quyền, thực hiện quyền chủ quyền, tổ chức các hoạt động quản lý và khai thác trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

**Giai đoạn 2**, từ năm 1909 đến 1939, giai đoạn tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc. Sự kiện mở màn cho cuộc tranh chấp dai dẳng ấy (đến nay chưa kết thúc) là năm 1909 nhà cầm quyền Quảng Châu (Trung Quốc) đã cử hai đoàn thăm dò mang cờ Trung Quốc đến một số đảo trên quần đảo Hoàng Sa. Từ đó đến năm 1937, chính phủ Pháp, nhân danh nước Việt Nam, liên tục chống lại các yêu sách của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời thực hiện quyền chủ quyền và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên hai quần đảo này.

Từ sau năm 1954 đến 1975, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam, Bắc. Từ vĩ tuyến 17 trở vào thuộc sự quản lý của chính quyền Sài Gòn, do đó hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc sự quản lý của chính quyền miền Nam. Năm

<sup>23</sup> Trần Thế Đức trong bài *Hoàng Sa qua những nhân chứng*, in trong Tạp chí Sử Địa (1975) *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, tr.318.

1956, lợi dụng tình hình sau Hiệp định Giơnevơ, lúc Pháp rút quân về nước, lực lượng hải quân của chính quyền Sài Gòn tiếp quản hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Quốc bất ngờ xâm chiếm nhóm đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Đầu năm 1974, một lần nữa Trung Quốc đã lợi dụng lúc giao thời, khi quân đội ngụy quyền Sài Gòn suy yếu trước sự tấn công của quân giải phóng, chiều ngày 18/1/1974 (nhằm dịp Tết Nguyên đán, 26 tháng Chạp) Trung Quốc mở cuộc tấn công quân sự đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa.

Căn cứ vào tư liệu lịch sử có thể khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên các phương diện lịch sử, địa lý, pháp lý (cả công pháp quốc tế) và thực tế. Điều đó thêm một minh chứng cho mấy ngàn năm lịch sử ông cha chúng ta đã tồn tại bao công sức xương máu để mở rộng từng tấc đất, mở rộng lãnh thổ từ ba mặt: Nam tiến, Tây Tiến và Đông tiến. Thực tiễn ấy thể hiện ý chí quật cường của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến luôn thi gan với núi cao, biển sâu và mọi trở lực nguy nan, tiến về phía trước. Do đó, mặc dù liên tục phải đương đầu với những thử thách lớn lao, thậm chí là những thử thách tưởng chừng không thể nào vượt qua nổi, nhân dân Việt Nam vẫn trên dưới một lòng đoàn kết, quyết chí bền gan vượt qua các trở lực để bảo vệ chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ đất nước □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Đức An (2008), *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam - Tài nguyên và phát triển*, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thái Anh (2011), *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Thời đại, Hà Nội.
- [3] *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, bộ X, số 2, tháng 4-6/1925.
- [4] Crisphoro Borri (1999), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, TP.Hồ Chí Minh.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội,
- [6] Lê Quý Đôn (1964), *Phủ biên tạp lục*, (Hoàng Lộc dịch), Viện Sử học, Hà Nội.
- [7] *Nam Triều Quốc ngữ Công báo*, số 8, năm 1938.
- [8] Nhiều tác giả (2010), *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên biển Đông*, Ủy ban Biên giới quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nhiều tác giả (2012), *Tổng tập dư địa chí Việt Nam (tập 1)*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11] Tập san Sử Địa (1975), *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*.
- [12] Thông tấn xã Việt Nam (2008), *Chiến lược biển của Trung Quốc* (Tài liệu tham khảo số 2/2008). Hà Nội
- [13] W.J.M.Buch (1936), *Công ty Đông Ấn Hà Lan và Đông Dương* - in trong tập Bản tin của Francaise Ecole d'Extreme Orient.

**Abstract****The process of creating and protecting the owner right  
to Vietnam Sea and Islands before 1975**

*History proved that Vietnamese government not only has created but also constantly implemented the protection of the sea and islands and its owner right since a very early time. The process of creating the Vietnamese owner right on East Sea, especially on the two islands of Hoang Sa and Truong Sa has been a long-lasting process which lasted throughout three centuries of XVII, XVIII, XIX.*

*Based on the historic documents, we can confirm strongly the Vietnamese owner right to Hoang Sa and Truong Sa islands in terms of history, geography, justice (including the international convention) and realities. Therefore, although we have to cope with great challenges, even the ones that seem to be beyond our abilities, our Vietnamese people are still in good solidarity, with strong determination to overcome every obstacle to protect our owner right and the entire territory of our country.*

**Key words:** *creating, protecting, owner right, sea and islands, Vietnam*